

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tiến Mãn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đức Hạnh

Bà Trương Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn S, thị trấn G, huyện B, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn H1, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình D vào ngày 18/3/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính

cách không hợp nhau; anh D mãi chơi không tu trí làm ăn dẫn đến vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xúc phạm, đánh nhau. Chị và anh D sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2019 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng A - Sinh ngày 18/01/2011 và cháu Nguyễn Đình H2 - Sinh ngày 24/02/2015. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hùng để anh D nuôi dưỡng cháu Hoàng A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh D và tiến hành báo gọi nhiều lần nhưng anh D không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã thu thập chứng cứ, được chính quyền địa phương và bố của anh D là ông Nguyễn Đình Bình cho biết: Anh Nguyễn Đình D và chị Trần Thị H kết hôn ngày 18/3/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với gia đình ông, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh D và chị H do anh D nóng tính còn chị H thì ngang bướng, nên vợ chồng xảy ra cãi chửi đánh nhau; nhiều lần gia đình ông khuyên giải nhưng chị H vẫn quyết tâm ly hôn, anh D thì không muốn ly hôn. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tây Côi Sơn, thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản sinh sống. Anh D và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng; về tài sản chung anh chị không có. Theo ông Bình cung cấp thì anh D làm tự do vẫn thường về gia đình; tất cả các văn bản tố tụng, giấy triệu của Tòa án gửi cho anh D, gia đình ông đã giao lại cho anh D nhưng anh D vẫn giữ quan điểm muốn đoàn tụ, nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh.

Do anh D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật.

Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn chị H và anh D chung sống đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn; do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, do anh D ham chơi, không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi chửi đánh nhau; chị H và anh D sống ly chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2019. Vì vậy, đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình giải quyết để chị H được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Hùng - Sinh ngày 24/02/2015, giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Anh - Sinh ngày 18/01/2011 là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tổng đạt, thông báo đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng anh D vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Nguyễn Đình D vào ngày 18/3/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau; hơn nữa do anh D ham chơi, không tu trí làm ăn dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi, đánh nhau. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét nguyện của chị H và anh D về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi anh chị sống ly thân, cháu H3 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Hoàng A đang do anh D nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H3, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh D có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Đình D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình H3 - Sinh ngày 24/02/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hoàng A - Sinh ngày 18/01/2011 cho Nguyễn Đình D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001213, ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Đình D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã N;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

**Vũ Tiến Mãn**

